TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giới

Bà Vũ Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ hộ khẩu thường trú: Tổ 05, ấp X, phường A, tỉnh Đồng Nai.

Cùng nơi ở: Tổ 04, ấp S, phường A, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống năm 2001 và đăng ký kết hôn lần đầu vào ngày 15/01/2001, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Uỷ ban nhân dân phường A, tỉnh Đồng Nai). Sau khi hết hôn bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 cùng

chung sống với nhau tại tổ 05, ấp X, phường A, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông T1 không quan T1 đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2024, bà Lê Thị T vẫn sinh sống tại địa chỉ tổ 05, ấp X, phường A, tỉnh Đồng Nai, còn ông Nguyễn Hữu T1 không còn sinh sống cùng bà T tại địa chỉ trên. Nay bà Lê Thị T thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

Quá trình chung sống bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 có 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoài P, sinh ngày 13/02/2001, Nguyễn Lê Hoài Ng, sinh ngày 30/8/2003 và Nguyễn Lê Hoài Tr, sinh ngày 07/11/2005, hiện các con đã trưởng T, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập ông Nguyễn Hữu T1 lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm có cơ sở giải quyết vụ án, nhưng ông Nguyễn Hữu T1 không có mặt tại Toà án để làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Hữu T1 tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai cứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông T1 không tham gia, không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2025, tại Công an xã N, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là Công an phường A, tỉnh Đồng Nai); tại ấp S, xã N, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp S, phường A, tỉnh Đồng Nai) và tại ấp X, xã N, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp X, phường A, tỉnh Đồng Nai) xác định: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 hiện nay không còn chung sống với nhau. Hiện ông Nguyễn Hữu T1 có hộ khẩu thường trú tại tổ 05, ấp X, xã N, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp X, phường A, tỉnh Đồng Nai), ông T1 thường xuyên đi làm việc xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 05, ấp X, xã N, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là tổ 05, ấp X, phường A, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Ông Nguyễn Hữu T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn bà Lê Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2001, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Uỷ ban nhân dân phường A, tỉnh Đồng Nai), theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống ông, bà bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan T1, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, nay bà Lê Thị T không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1 để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T, cho bà Lê Thị T ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hữu T1 có 03 con chung tên Nguyễn Lê Hoài P, sinh ngày 13/02/2001, Nguyễn Lê Hoài Ng, sinh ngày 30/8/2003 và Nguyễn Lê Hoài Tr, sinh ngày 07/11/2005, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

- Về con chung: Hiện các con đã trưởng T, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002447 ngày 08/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Nai;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Mai Phương